

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 614/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Long Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Tuyết Hằng
2. Bà Dương Thị Kim Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quang Huy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Ông Đồng Văn Nam- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Minh T

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tường O

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2018 gửi Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Tường O chung sống với nhau vào năm 2009, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng tín ngưỡng tôn giáo (bà O theo đạo Công Giáo, ông theo đạo Phật Giáo), bất đồng quan điểm sống. Năm 2014 ông đã nộp đơn xin ly hôn nhưng không được Tòa án chấp nhận. Sau thời gian đó ông sống xa gia đình để tránh mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Do đó, nay ông T yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà O để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống, có hai người con chung là C (sinh ngày 08/01/2011) và D (sinh ngày 11/7/2013). Sau khi ly hôn, ông T đồng ý giao trẻ C và

trẻ D cho bà O nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/con cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 12/3/2019 và tại các buổi hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị Tường O trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Trần Minh T về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung.*

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính cách của ông T cọc cằn, nóng tính, hay đổ thừa, thường xuyên không về nhà. Năm 2016 bà phát hiện ông T chụp hình với một người phụ nữ khác trên mạng xã hội dẫn đến hai vợ chồng cãi vả. Sau đó, ông T đã nộp đơn đến Tòa xin ly hôn nhưng không được chấp nhận. Hai vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau, bà vẫn yêu thương ông T và mong ông T suy nghĩ lại để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay ông T tiếp tục nộp đơn tại Tòa án xin ly hôn thì bà không đồng ý vì bà vẫn còn thương chồng con, bà cần thêm thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Trong trường hợp Tòa chấp nhận cho ly hôn thì bà yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ C (sinh ngày 08/01/2011) và D (sinh ngày 11/7/2013). Yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2019 trẻ C, sinh ngày 08/01/2011 trình bày: trong trường hợp ba mẹ ly hôn thì trẻ C xin được sống với mẹ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu : yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Tường O

Về con chung: có hai người con chung là C (sinh ngày 08/01/2011) và D (sinh ngày 11/7/2013). Sau khi ly hôn, ông T đồng ý giao trẻ C và trẻ D cho bà O nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/con cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10 tháng 7 năm 2019. Giao nhận tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tường O trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Trần Minh T về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay ông T xin ly hôn thì bà không đồng ý vì bà vẫn còn thương chồng con, bà cần thêm thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Trong trường hợp Tòa chấp nhận cho ly hôn thì bà yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ C (sinh ngày 08/01/2011) và D (sinh ngày 11/7/2013). Bà đồng ý với mức cấp dưỡng mỗi trẻ 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10 tháng 7 năm 2019. Giao nhận tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh ông Đồng Văn Nam, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trần Minh T nộp đơn khởi kiện xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tường O. Bà O đang cư trú tại địa chỉ ấp B, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 209 Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/11/2009 thì hôn nhân giữa ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Tường O là hợp pháp, theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo lời trình bày của ông Trần Minh T thì thời gian đầu có hạnh phúc, từ năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Năm 2014, ông đã khởi kiện xin ly hôn với bà O tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử đã không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông. Sau khi Tòa án không chấp nhận đơn ly hôn của ông T thì ông và bà O vẫn không thể hàn gắn và ông đã không còn chung sống với bà O cho đến nay. Tại lời khai của bà O, bà cũng thừa nhận quá trình chung sống, mâu thuẫn cũng như việc ông T xin ly hôn, sau khi Tòa án không chấp nhận đơn ly hôn của ông T thì giữa bà và ông T cũng không hàn gắn tình cảm và ông T không còn sống chung với bà từ năm 2014. Tuy nhiên, bà vẫn còn thương ông T nên bà không đồng ý ly hôn. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã V thì không xác minh được mâu thuẫn. Căn cứ vào lời khai và tại các buổi hòa giải, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà O đã xảy ra từ năm 2012, năm 2014 ông T đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh. Mặc dù, đơn xin ly hôn với bà O của ông T không được Tòa án chấp nhận nhưng sau đó, giữa ông T và bà O vẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông T đã không còn sống chung với bà O từ năm 2014 đến nay. Do đó, căn cứ vào Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông Trần Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tường O.

Giấy chứng nhận kết hôn số 209 Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/11/2009 không còn giá trị pháp lý.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên là C, sinh ngày 08/01/2011 và trẻ D, sinh ngày 11/7/2013. Đối với trẻ C, sinh ngày 08/01/2011 thì có nguyện vọng ở với mẹ

là bà Nguyễn Thị Tường O. Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Tường O đều khai, nếu Tòa án cho ly hôn thì ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Tường O đồng ý để cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung, ông Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi trẻ 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi, vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10 tháng 7 năm 2019. Do đó, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Trần Minh T là có cơ sở chấp nhận.

Giao trẻ C, sinh ngày 08/01/2011 và trẻ D, sinh ngày 11/7/2013 cho bà Nguyễn Thị Tường O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Ông Trần Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, trẻ C, sinh ngày 08/01/2011 và trẻ D, sinh ngày 11/7/2013, mỗi trẻ 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi, vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10 tháng 7 năm 2019. Giao nhận tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Tường O xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử cũng không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Ông Trần Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Minh T đối với bà Nguyễn Thị Tường O:

Ông Trần Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tường O.

Giấy chứng nhận kết hôn số 209 Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/11/2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên là C, sinh ngày 08/01/2011 và trẻ D, sinh ngày 11/7/2013.

Giao trẻ C, sinh ngày 08/01/2011 và trẻ D, sinh ngày 11/7/2013 cho bà Nguyễn Thị Tường Oanh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Ông Trần Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, trẻ C, sinh ngày 08/01/2011 và trẻ D, sinh ngày 11/7/2013, mỗi trẻ 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng,

cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi, vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10 tháng 7 năm 2019. vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10 tháng 7 năm 2019. Giao nhận tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Ông Trần Minh T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì quyền lợi của con cái khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi nuôi con và mức trợ cấp phí tổn nuôi con. Bà Nguyễn Thị Tường O có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Tường O xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0006874 ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Ông Trần Minh T phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Long Toàn**